



chéng míng

成名

verb · to become famous

Example Sentences

Tā yīn wèi nà shǒu gē yí yè chéng míng
他因为那首歌一夜成名。

He became famous overnight because of that song.

Hěn duō yǎn yuán nǚ lì duō nián cái chéng míng
很多演员努力多年才成名。

Many actors work hard for years before becoming famous.

Trace each character, then write the word on your own.

成	成	成	成	成	成	成	成	成		
名	名	名	名	名	名	名	名	名		